

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2021/DS-PT

Ngày 13 - 8 - 2021

*V/v tranh chấp giải quyết hậu quả
pháp lý của hợp đồng vô hiệu*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Toàn.

Các Thẩm phán: 1. Ông Hoàng Hữu Khoa.

2. Bà Trần Thị Khánh Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thu Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai: Ông Trần Xuân Phong - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2021/TLPT-DS ngày 31 tháng 5 năm 2021 về việc “*Tranh chấp giải quyết hậu quả pháp lý của hợp đồng vô hiệu*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 08/2021/DS-ST ngày 27/4/2021 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 17/2021/QĐ-PT ngày 07/7/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 37/2021/QĐ-PT ngày 23/7/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Kiên C và chị Đào Thị D.

Cùng địa chỉ: Tổ 14, phường N, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt tại phiên tòa.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Mạnh H

Địa chỉ: Số nhà 007, đường T, phường C, thành phố L, tỉnh Lào Cai (Văn bản ủy quyền ngày 28/4/2020). Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Doãn Văn Q.

Địa chỉ: Tổ 14, phường N, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên tòa.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Trần Thị L; Anh Doãn Văn Q1; Chị Hà Tuyết M - Có mặt tại phiên tòa;
- Anh Nguyễn Hồng D; Chị Đào Thị H - Vắng mặt tại phiên tòa.

Cùng địa chỉ: Tổ 14, phường N, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

4. Người kháng cáo: Anh Nguyễn Kiên C và chị Đào Thị D là nguyên đơn trong vụ án; ông Doãn Văn Q là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Nguyễn Kiên C, chị Đào Thị D và người đại diện theo ủy quyền trình bày như sau:

Vợ chồng anh Nguyễn Kiên C và chị Đào Thị D được Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) thị xã C, tỉnh Lào Cai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ) số M 595852 ngày 30/12/1998 mang tên anh Nguyễn Kiên C, chị Đào Thị D, diện tích đất ở 372m², địa chỉ tại: Thôn T (nay là tổ 14), phường N, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Năm 1998, anh chị nhận chuyển nhượng diện tích đất vườn khoảng hơn 200m² liền kề của anh Nguyễn Hồng D nhưng không lập văn bản, không làm thủ tục chuyển nhượng theo quy định. Năm 2000, anh Nguyễn Kiên C chuyển nhượng cho ông Doãn Văn Q toàn bộ diện tích đất vườn nhận chuyển nhượng của anh Nguyễn Hồng D với giá 13.000.000 đồng (Mười ba triệu đồng). Do đất chuyển nhượng là đất vườn nên ông Doãn Văn Q không được làm nhà. Ngày 21/7/2000, ông Doãn Văn Q nhờ anh Nguyễn Kiên C viết giấy chuyển nhượng đất ở diện tích 120m² nằm trong diện tích đất 372m² theo GCNQSDĐ số M 595852 ngày 30/12/1998 mang tên anh Nguyễn Kiên C và chị Đào Thị D cho ông Doãn Văn Q. Giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất này không có chữ ký của chị Đào Thị D, không công chứng, chứng thực theo quy định pháp luật, vì không phải chuyển nhượng thật nên anh Nguyễn Kiên C không làm được thủ tục tách thửa đất theo quy định.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2019/DS-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai đã giải quyết: Tuyên bố giao dịch dân sự chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo giấy chuyển nhượng đất ở và hoa màu lập ngày 21/7/2000 giữa anh Nguyễn Kiên C và ông Doãn Văn Q là vô hiệu, bản án đã có hiệu lực pháp luật.

Chị Đào Thị D và anh Nguyễn Kiên C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Doãn Văn Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tháo dỡ toàn bộ tài sản trên diện tích đất 430,1m². Địa chỉ tại: Thôn T (nay là tổ 14), phường N, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai trả lại đất cho anh Nguyễn Kiên C và chị Đào Thị D. Anh chị có trách nhiệm trả lại cho ông Doãn Văn Q số tiền là 13.000.000 đồng (Mười ba triệu đồng), không yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Bị đơn ông Doãn Văn Q, Người đại diện theo ủy quyền và Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày:

Ngày 21/7/2000, ông Doãn Văn Q nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của anh Nguyễn Kiên C diện tích đất ở 120m² nằm trong tổng số diện tích 372m² đất của hộ anh Nguyễn Kiên C theo GCNQSDĐ số 000245/QSDĐ do UBND thị xã C, tỉnh Lào Cai cấp ngày 30/12/1998 mang tên hộ anh Nguyễn Kiên C, chị Đào Thị D và diện tích đất vườn phía sau giáp đất ở với số tiền là 48.000.000 đồng (*Bốn mươi tám triệu đồng*). Khi viết giấy có vợ chồng ông Doãn Văn Q, bà Trần Thị L và vợ chồng anh Nguyễn Kiên C, chị Đào Thị D. Bà Trần Thị L giao số tiền 48.000.000 đồng (*Bốn mươi tám triệu đồng*) cho chị Đào Thị D. Sau đó anh Nguyễn Kiên C hủy giấy giao nhận số tiền 48.000.000 đồng (*Bốn mươi tám triệu đồng*) và viết lại giấy giao nhận tiền với số tiền 13.000.000 đồng (*Mười ba triệu đồng*) đề nghị ông Doãn Văn Q ký với lý do sẽ giảm tiền thuế. Sau khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, ông Doãn Văn Q, bà Trần Thị L và con trai là anh Doãn Văn Q1 làm 02 gian nhà gỗ, anh Doãn Văn Q1 lấy vợ là chị Hà Tuyết M tiếp tục xây thêm, ngăn thành 02 ngôi nhà sinh sống đến nay. Ông Doãn Văn Q yêu cầu anh Nguyễn Kiên C và chị Đào Thị D phải thanh toán trị giá đất ở theo giá thị trường là 8.000.000 đồng/m², đất vườn trị giá là 800.000 đồng/m² và bồi thường toàn bộ tài sản trên đất.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Người đại diện theo ủy quyền, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Doãn Văn Q, đồng thời là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị L đề nghị Tòa án xem xét xác định anh C là người có lỗi hoàn toàn trong việc giao kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 21/7/2000, dẫn đến vô hiệu và chị Đào Thị D là người biết sự việc nên có lỗi. Đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Kiên C và chị Đào Thị D, không nhất trí tháo dỡ tài sản trả lại đất, ghi nhận quyền sử dụng đất cho ông Doãn Văn Q, không yêu cầu về việc bồi thường thiệt hại. Với lý do anh Nguyễn Kiên C không có quyền chuyển nhượng đất và giao đất cho ông Doãn Văn Q không đúng loại đất trong hợp đồng và gia đình ông Doãn Văn Q đã sử dụng đất ổn định nhiều năm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị L, anh Doãn Văn Q1, chị Hà Tuyết M trình bày:

Năm 2000, ông Doãn Văn Q nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì vợ chồng ông bà làm 02 gian nhà gỗ và anh Doãn Văn Q1 là con trai sinh sống cùng, sau đó anh Doãn Văn Q1 lấy vợ là chị Hà Tuyết M đến năm 2015 tiếp tục sửa chữa xây thêm ngăn thành 02 ngôi nhà, hiện nay vợ chồng ông Doãn Văn Q, bà Trần Thị L và vợ chồng anh Doãn Văn Q1 hiện đang sinh sống tại 02 ngôi nhà trên đất đang tranh chấp. Anh Doãn Văn Q1 xác định trị giá ngôi nhà theo giá thị trường là 2.500.000 đồng/m², trị giá là 237.500.000 đồng (*Hai trăm ba mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng*), (Chưa tính các công trình phụ trợ). Ngoài ra các hạng mục như lát gạch, cửa, các thiết bị điện, nước, trần nhà và 50m dài móng xây gạch, trị giá 885.0000 đồng/m; giếng sâu 10m, trị giá 15.000.000 đồng (*Mười năm triệu đồng*).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Hồng D, chị Đào Thị H trình bày:

Vợ chồng anh chị quản lý sử dụng diện tích đất gồm có đất thổ cư, đất rừng, đất lúa, đất vườn tạp có địa chỉ tại: Thôn T (nay là tổ 14), phường N, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Đối với diện tích đất đang tranh chấp giữa anh Nguyễn Kiên C, chị Đào Thị D với ông Doãn Văn Q là khoảng năm 1997 đến năm 1998 do anh chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh C và chị D, khi chuyển nhượng đất chưa được cấp GCNQSDĐ. Đến cuối năm 1999 được cấp GCNQSDĐ là đất vườn tạp hiện nay đang tranh chấp nằm trong sổ cấp GCNQSDĐ số 00225. Anh chị xác định toàn bộ diện tích đất đã chuyển nhượng cho anh Nguyễn Kiên C và chị Đào Thị D nên anh chị không có quyền lợi, không tranh chấp gì.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với diện tích đất tranh chấp và thành lập hội đồng định giá tài sản trên diện tích đất tranh chấp, kết quả như sau:

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ: Diện tích đất vườn tạp là 429,0m²; thời hạn sử dụng đất đến 30/12/2018; thửa số 138; tờ bản đồ số P3-27 đo đạc năm 2005 mang tên anh Nguyễn Hồng D. Địa chỉ: Thôn T (nay là tổ 14), phường N, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Diện tích đất ở là 1,1m²; tờ bản đồ số 27; thửa số 255 theo GCNQSDĐ số vào sổ 00245 do UBND thị xã C cấp ngày 30/12/1998 mang tên anh Nguyễn Kiên C, chị Đào Thị D.

Kết quả định giá tài sản: Tổng trị giá tài sản trên đất và trị giá quyền sử dụng đất là 718.650.000 đồng.

Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2021/DS-ST ngày 27/4/2021 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai đã quyết định:

Áp dụng Điều 131, 213, Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 28 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 584; Điều 589 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 147; Điều 157; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Kiên C, chị Đào Thị D như sau:

- Buộc ông Doãn Văn Q và bà Trần Thị L phải trả lại diện tích đất vườn tạp là 324,8m², thửa số 138, tờ bản đồ số P3-27 mang tên anh Nguyễn Hồng D. Địa chỉ: Thôn T (nay là tổ 14), phường N, thành phố L, tỉnh Lào Cai cho anh Nguyễn Kiên C và chị Đào Thị D.

- Ông Doãn Văn Q và bà Trần Thị L có nghĩa vụ giao lại toàn bộ tài sản trên đất nêu trên cho anh Nguyễn Kiên C và chị Đào Thị D được quyền quản lý,

sử dụng, sở hữu tài sản. Anh Nguyễn Kiên C và chị Đào Thị D có trách nhiệm liên đới trả cho ông Doãn Văn Q và bà Trần Thị L số tiền là 611.285.900 đồng (*Sáu trăm mười một triệu hai trăm tám mươi năm nghìn chín trăm đồng*).

- Buộc anh Doãn Văn Q1 và chị Hà Tuyết M phải trả lại diện tích đất ở 1,1m², tờ bản đồ số 27, thửa số 255 theo GCNQSDĐ số vào sổ 00245 do UBND thị xã C cấp ngày 30/12/1998 mang tên anh Nguyễn Kiên C, chị Đào Thị D và diện tích đất vườn tạp là 104,2m², thửa số 138, tờ bản đồ số P3-27 mang tên anh Nguyễn Hồng D cho anh Nguyễn Kiên C và chị Đào Thị D.

- Anh Doãn Văn Q1 và chị Hà Tuyết M có nghĩa vụ giao lại toàn bộ tài sản trên đất nêu trên cho anh Nguyễn Kiên C và chị Đào Thị D được quyền quản lý, sử dụng, sở hữu tài sản. Anh Nguyễn Kiên C và chị Đào Thị D có trách nhiệm liên đới trả cho anh Doãn Văn Q1 và chị Hà Tuyết M số tiền là 120.365.000 đồng (*Một trăm hai mươi triệu ba trăm sáu mươi năm nghìn đồng*).

(Kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 25/5/2020 và sơ đồ trích đo bản đồ địa chính ngày 23/12/2020).

Anh Nguyễn Kiên C, chị Đào Thị D, anh Nguyễn Hồng D, chị Đào Thị H có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để tiếp tục thực hiện đăng ký, kê khai làm thủ tục cấp GCNQSDĐ theo quy định của pháp luật về đất đai.

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo cho các đương sự.

- Ngày 06/5/2021, bị đơn ông Doãn Văn Q kháng cáo đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm nêu trên với lý do: Hiện nay Viện kiểm sát nhân dân cấp cao đã mượn hồ sơ vụ án và đang thực hiện thủ tục kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với bản án dân sự sơ thẩm số 36/2019/DS-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai. Việc Tòa án nhân dân thành phố L ban hành bản án số 08/2021/DS-ST ngày 27/4/2021 khi chưa có kết quả giải quyết của Viện kiểm sát nhân dân và Tòa án nhân dân cấp cao đã xâm phạm đến quyền và lợi ích của ông.

- Ngày 12/5/2021, nguyên đơn anh Nguyễn Kiên C và chị Đào Thị D kháng cáo đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm nêu trên với lý do: Bị đơn và người đại diện hợp pháp cho bị đơn không yêu cầu bồi thường nhưng án sơ thẩm lại buộc anh chị phải bồi thường. Tòa án nhận định lỗi hoàn toàn thuộc về nguyên đơn là không đúng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt trong đó nêu ý kiến giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, nội dung kháng cáo; Bị đơn ông Doãn Văn Q giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án để xét xử phúc thẩm và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát cùng cấp

ngiên cứu. Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử phúc thẩm. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn. Sửa án sơ thẩm theo hướng: Công nhận quyền sử dụng đất và tài sản của ông Doãn Văn Q đối với toàn bộ diện tích đất, tài sản trên đất theo biên bản thẩm định của Tòa án nhân dân thành phố L. Ông Q có trách nhiệm thực hiện các quyền đề cấp GCNQSDĐ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về nội dung:

Ngày 21/7/2000, anh Nguyễn Kiên C và ông Doãn Văn Q xác lập giao dịch dân sự chuyển nhượng quyền sử dụng đất với nội dung: Anh C chuyển nhượng cho ông Q diện tích đất ở là 120m², diện tích đất này nằm trong tổng diện tích đất ở là 372m² mà anh C, chị D đã được UBND thị xã C, tỉnh Lào Cai cấp GCNQSDĐ số M 595852 ngày 30/12/1998. Năm 2019, chị D là vợ anh C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố giao dịch dân sự nêu trên là vô hiệu. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 36/2019/DS-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai đã giải quyết: Tuyên bố giao dịch dân sự chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo giấy chuyển nhượng đất ở và hoa màu ngày 21/7/2000 giữa anh Nguyễn Kiên C và ông Doãn Văn Q là vô hiệu, bản án không giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu do các bên đương sự không yêu cầu giải quyết. Sau khi bản án đã có hiệu lực pháp luật, anh Nguyễn Kiên C và chị Đào Thị D đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hậu quả pháp lý của hợp đồng vô hiệu. Tòa án nhân dân thành phố L đã thụ lý vụ án và giải quyết bằng bản án dân sự sơ thẩm số 08/2021/DS-ST ngày 27/4/2021, không đồng ý với bản án dân sự sơ thẩm nêu trên nên các bên đương sự đã kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

[2]. Xét kháng cáo của các bên đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[2.1]. Về nội dung kháng cáo của nguyên đơn anh Nguyễn Kiên C và chị Đào Thị D:

Theo giấy chuyển nhượng đất ở và hoa màu lập ngày 21/7/2000 có nội dung ông Nguyễn Kiên C có số bìa đất ở là 00245, diện tích 372m², nay chuyển nhượng cho ông Doãn Văn Q diện tích đất ở là 120m², chiều ngang mặt đường là 09m, chiều sâu là 11m, còn lại chạy dài lên rừng tre là hoa màu và cây cối.

Với số diện tích chuyển nhượng trên, ông Nguyễn Kiên C còn lại số diện tích ở trong bì sử dụng đất ở là 252,0m². Nếu sau này có sự tranh chấp nội bộ về 120m² đất trên, ông Nguyễn Kiên C chịu trách nhiệm v.v... Nhưng khi anh C giao đất cho ông Q thì diện tích đất đó không nằm trong GCNQSDĐ của anh C, mà là diện tích đất anh C nhận chuyển nhượng lại của anh D. Sau khi thỏa thuận được lập ngày 21/7/2000, vợ chồng ông Q và các con đã xây dựng nhà ở, một số công trình phụ trợ và ở từ đó đến khi xảy ra tranh chấp, chị D là vợ anh C biết rõ việc ông Q và các con ông Q đã làm nhà và ở trên diện tích đất của gia đình, nhưng chị D không có ý kiến gì. Việc chị D cho rằng không biết anh C chuyển nhượng đất cho ông Q như thế nào là không có căn cứ. Vì vậy, giao dịch dân sự có nội dung chuyển nhượng quyền sử dụng đất được lập ngày 21/7/2000 bị vô hiệu là do lỗi của anh C và chị D. Vợ chồng ông Q và các con ông Q không có lỗi dẫn đến giao dịch dân sự nêu trên bị vô hiệu. Bản án sơ thẩm đã xác định anh C và chị D là người có lỗi hoàn toàn trong giao dịch dân sự bị vô hiệu và phải bồi thường thiệt hại cho ông Q, bà Liên, anh Q1, chị M là có căn cứ, đúng quy định tại khoản 4 Điều 131 của Bộ luật Dân sự. Vì vậy, kháng cáo của anh Nguyễn Kiên C và chị Đào Thị D không có căn cứ chấp nhận.

[2.2]. Về nội dung kháng cáo của bị đơn ông Doãn Văn Q:

Tại Thông báo về việc không kháng nghị giám đốc thẩm số 554/TB-VC1-DS, ngày 28/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã thông báo cho ông Q biết Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội không kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2019/DS-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai. Ông Q cho rằng Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai ban hành bản án dân sự sơ thẩm số 08/2021/DS-ST ngày 27/4/2021 khi chưa có kết quả giải quyết của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao và Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã xâm phạm đến quyền và lợi ích của ông là không có căn cứ. Vì vậy, kháng cáo của ông Doãn Văn Q không có căn cứ chấp nhận.

[3]. Về quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy không đúng với quy định tại Điều 131 Bộ luật Dân sự nên không có căn cứ chấp nhận.

[4]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn anh Nguyễn Kiên C, chị Đào Thị D và bị đơn ông Doãn Văn Q. Giữ nguyên toàn bộ nội dung bản án dân sự sơ thẩm số 08/2021/DS-ST ngày 27/4/2021 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Anh Nguyễn Kiên C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000618, ngày 18/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Lào Cai. Anh C đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

- Chị Đào Thị D phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000619, ngày 18/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Lào Cai. Chị D đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

- Ông Doãn Văn Q phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000591, ngày 07/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Lào Cai. Ông Q đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lào Cai (2);
- TAND TP.L;
- Chi cục THADS TP.L;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Ngọc Toàn